

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách
Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
(Chương trình 135) thuộc kế hoạch vốn năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 471/UBND-TT ngày 29/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn phân bổ vốn thực hiện Chương trình 135 năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1076/BC-SKHĐT-KTN ngày 23/6/2017, theo Công văn số 165/BDT-KHTH ngày 02/6/2017 và Công văn số 184/BDT-KHTH ngày 16/6/2017 của Ban Dân tộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) thuộc kế hoạch vốn năm 2017, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Dự án chuyển tiếp và thanh toán khối lượng hoàn thành:

1.1. Danh mục dự án: Giao UBND các huyện, thị xã quyết định.

1.2. Tổng nguồn vốn năm 2017: 9.273 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương (Chương trình 135) năm 2017: 7.773 triệu đồng.

- Ngân sách huyện, thị xã: 1.500 triệu đồng.

2. Dự án khởi công mới năm 2017:

2.1. Danh mục dự án: Tổng số 42 dự án.

2.2. Nhóm dự án : Nhóm C khác.

2.3. Địa điểm thực hiện: Các thôn ĐBKK, các xã ĐBKK trên địa bàn các huyện, thị xã, tỉnh Bình Phước.

2.4. Dự kiến tổng mức đầu tư các dự án khởi công mới : 9.527 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương (Chương trình 135): 7.627 triệu đồng.

- Ngân sách huyện, thị xã, xã: 1.900 triệu đồng.

2.5. Thời gian thực hiện các dự án: Năm 2017-2018.

3. Tổng nguồn vốn đầu tư: 18.800 triệu đồng (Mười tám tỷ, tám trăm triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách Trung ương (Chương trình 135) năm 2017: 15.400 triệu đồng.

- Ngân sách huyện, thị xã: 3.400 triệu đồng.

(Có danh mục dự án kèm theo).

Điều 2. UBND các huyện, thị xã làm chủ đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban Dân tộc, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ: KH&ĐT, Tài chính (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng: TH, VX;
- Lưu: VT, (111Bình).



Huỳnh Thị Hằng

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2017

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương năm 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1619 /QĐ-UBND ngày 30 / 6 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó					
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã	Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
*	TỔNG CỘNG			20.831	18.800	15.400	-	3.400			
A	Công trình chuyển tiếp, thanh toán khối lượng hoàn thành			5.503	9.273	7.773	-	1.500			
I	Huyện Bù Gia Mập			5.103	3.722	2.222	-	1.500			
I	1 Xã Đak O (xã khu vực III, xã ĐBKК)			2.500	2.500	1.000	-	1.500		2016	
	2 Xã Phú Văn (xã khu vực III, xã ĐBKК)			302	102	102	-	-		2016	
	3 Xã Bù Gia Mập (xã khu vực III, xã ĐBKК)			1.981	1.000	1.000	-	-		2016	
	4 Xã Phước Minh (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKК: Bù Tam, Bình Giai, Bình Tiến 1)			320	120	120	-	-		2016	
II	Huyện Phú Riềng			400	200	200	-	-			
I	1 Xã Phú Trung (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKК: Thôn Phú Tiến)			400	200	200	-	-		2016	
III	Huyện Bù Đăng				1.300	1.300	-	-			
I	1 Xã Đường 10 (xã khu vực III, xã ĐBKК)				1.000	1.000	-	-		2016	
	2 Xã Đak Nheu (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKК: Thôn Đak La; thôn Đak Nung; thôn Đăng Lang)				300	300	-	-		2016	
IV	Huyện Lộc Ninh				1.580	1.580	-	-			
I	1 Xã Lộc Quang (xã khu vực III, xã ĐBKК)				1.000	1.000	-	-		2016	
	2 Xã Lộc Thành (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBKК: Ấp Lộc Bình 1, ấp Tà Tê 2, ấp K Liêu, ấp Cản Dực)				580	580	-	-		2016	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó					
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã	Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
V	Huyện Bù Đốp				2.331	2.331	-	-	-		
1	Xã Hưng Phước (xã khu vực III, xã ĐBK)K)				836	836	-	-	-	2016	
2	Xã Phước Thiện (xã khu vực III, xã ĐBK)K)				1.000	1.000	-	-	-	2016	
3	Xã Tân Tiến (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK)K: thôn Sóc Nê)				100	100	-	-	-	2016	
4	Xã Thiện Hưng (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK)K: thôn Thiện Cư)				100	100	-	-	-	2016	
5	Xã Thanh Hòa (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBK)K: ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 8)				295	295	-	-	-	2016	
VI	Huyện Hớn Quản				140	140	-	-	-		
1	Xã Tân Hưng (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK)K: ấp Sóc Quả)				140	140	-	-	-	2016	
B	Các công trình khởi công mới không thực hiện cơ chế đặc thù			15.328	9.527	7.627	-	1.900	-		
I	Huyện Bù Gia Mập			2.778	1.798	1.798	-	-	-		
1	Xã Phú Văn (xã Khu vực III, xã ĐBK)K)			898	898	898	-	-	-		
1.1	Láng nhựa đường GTNT thôn 3 - Đăk Khâu	Thôn 3 đi Đăk Khâu	1km	538	538	538	-	-	-	2017	
1.2	Sửa chữa nhà văn hóa, sân bê tông nhà văn hóa thôn Đak Son II	Thôn Đak Son II		360	360	360	-	-	-	2017	
2	Xã Phước Minh (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK)K: Bù Tam, Bình Giai, Bình Tiến 1)			480	200	200	-	-	-		
2.1	Sửa chữa đường GTNT thôn Bình Giai (từ ngã 3 Nga Cường - Suối đá)	Thôn Bình Giai	1,55km	200	100	100	-	-	-	2017-2018	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó					
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã	Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.2	Sửa chữa đường GTNT thôn Bình Tiến 1	Thôn Bình Tiến	2,5km	280	100	100	-	-	-	2017-2018	
3	<i>Xã Đa Kìa (xã khu vực II, có 02 thôn ĐBK: Bình Hà 1, Bình Hà 2)</i>			400	200	200	-	-	-		
3.1	Sửa chữa nhà văn hóa, làm sân bê tông nhà văn hóa thôn Bình Hà 1	Thôn Bình Hà 1		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
3.2	XD công chào, cột cờ, sân bóng chuyên nhà văn hóa, mua sắm thiết bị cho nhà văn hóa thôn Bình Hà 2	Thôn Bình Hà 2		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
4	<i>Xã Bình Thắng (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK: Thôn 6B, thôn 8 và thôn 9)</i>			600	300	300	-	-	-		
4.1	XD hệ thống mương thoát nước từ thôn 6B-6A	Thôn 6B	130 mét	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
4.2	Sửa chữa đường GTNT thôn 9	Thôn 9	1,12km	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
4.3	Sửa chữa đường GTNT thôn 8	Thôn 8	1,12km	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
5	<i>Xã Đức Hạnh (xã khu vực II, có 02 thôn ĐBK: Thôn Sơn Trung; thôn Bù Kroai)</i>			400	200	200	-	-	-		
5.1	XD công, hàng rào, sân bê tông nhà văn hóa thôn Sơn Trung	Thôn Sơn Trung		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
5.2	XD giếng khoan nước tập trung thôn Bù Kroai	Thôn Bù Kroai		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
II	Huyện Phú Riêng			1.400	500	500	-	-	-		
1	<i>Xã Long Tân (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: Thôn 6)</i>			400	100	100	-	-	-		
1.1	XD đường điện hạ thế thôn 6	Thôn 6	700m	400	100	100	-	-	-	2017-2018	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó					
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã	Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Xã Long Hà (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK: Thôn Bù Ka 1, thôn Phú Mang 1, Phú Mang 2)			600	300	300	-	-	-		
2.1	XD sân, đường vào nhà văn hóa thôn Bù Ka 1	Thôn Bù Ka		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
2.2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Mang 1	Thôn Phú Mang 1		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
2.3	XD hàng rào, sân, đường vào nhà văn hóa thôn Phú Mang 2	Thôn Phú Mang 2		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
3	Xã Phú Riêng (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: Thôn Phú Bình)			400	100	100	-	-	-		
3.1	XD lớp học mẫu giáo điểm trường Phú Riêng Đó, thôn Phú Bình	Thôn Phú Bình	01 phòng	400	100	100	-	-	-	2017-2018	
III	Huyện Bù Đăng			600	300	300	-	-	-		
1	Xã Thống Nhất (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: Thôn 10)			200	100	100	-	-	-		
1.1	XD đường bê tông xi măng tuyến đường tổ 5, thôn 10	Thôn 10		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
2	Xã Đăng Hà (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: Thôn 5)			200	100	100	-	-	-		
2.1	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường sỏi đỏ thôn 5 - Bàu Tre	Thôn 5		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
3	Xã Phú Sơn (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: Thôn Sơn Tân)			200	100	100	-	-	-		
3.1	XD hàng rào nhà vệ sinh điểm trường thôn Sơn Tân; mua sắm bàn ghế nhà văn hóa cộng đồng thôn Sơn Tân	Thôn Sơn Tân		200	100	100	-	-	-	2017-2018	
IV	Huyện Đồng Phú			1.800	1.400	1.400	-	-	-		
1	Xã Tân Lợi (xã khu vực III, xã ĐBK)			1.000	1.000	1.000	-	-	-		

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó			Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.1	XD đường vào khu đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số ấp Thạch Màng	ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi	1,5km đường sỏi đỏ	1.000	1.000	1.000	-	-	-	2017	
2	<i>Xã Tân Phước (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Nam Đố)</i>			200	100	100	-	-	-		
2.1	Nâng cấp đường GTNT ấp Nam Đố	ấp Nam Đố	đường sỏi đỏ	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
3	<i>Xã Đồng Tâm (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp 1, ấp 2, ấp 3)</i>			600	300	300	-	-	-		
3.1	Duy tu, sửa chữa đường vào đội 5, ấp 1	ấp 1	đường sỏi đỏ	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
3.2	Nâng cấp đường vào khu đất 100ha ấp 3	ấp 3	đường sỏi đỏ	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
3.3	Duy tu, sửa chữa đường vào đội 5, ấp 2	ấp 2	đường sỏi đỏ	200	100	100	-	-	-	2017-2018	
V	Huyện Lộc Ninh			3.200	1.869	1.869	-	-	-		
1	<i>Xã Lộc Phú (xã khu vực III, xã ĐBK)</i>			1.000	1.000	1.000	-	-	-		
1.1	XD nhà văn hóa ấp Tân Hai	ấp Tân Hai	150m2	500	500	500	-	-	-	2017	
1.2	XD đường nhựa ấp Thăng Lợi	ấp Thăng Lợi	500m	500	500	500	-	-	-	2017	
2	<i>Xã Lộc Thành (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBK: Ấp Lộc Bình 1, ấp Tà Tê 2, ấp K Liêu, ấp Cẩn Dực)</i>			200	120	120	-	-	-		
2.1	XD hàng rào, sân bê tông, thiết bị nhà văn hóa ấp Lộc Bình 1	ấp Lộc Bình 1		200	120	120	-	-	-	2017-2018	
3	<i>Xã Lộc Tấn (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Bù Núi B)</i>			300	100	100	-	-	-		
3.1	Sửa chữa đường GTNT ấp Bù Núi B	ấp Bù Núi B	500m	300	100	100	-	-	-	2017-2018	
4	<i>Xã Lộc Khánh (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp Ba Ven, ấp Chà Đôn, ấp Sóc Lớn)</i>			800	349	349	-	-	-		

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó					
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã	Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4.1	XD đường GTNT ấp Chà Đôn	ấp Chà Đôn	400m	400	200	200	-	-	-	2017-2018	
4.2	XD đường GTNT ấp Ba Ven	ấp Ba Ven	400m	400	149	149	-	-	-	2017-2018	
5	<i>Xã Lộc Thịnh (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBK: ấp Chà Là, ấp Tà Thiết)</i>			600	200	200	-	-	-		
5.1	XD công, hàng rào, sân bê tông, nhà vệ sinh nhà văn hóa ấp Chà Là	ấp Chà Là		300	100	100	-	-	-	2017-2018	
5.2	XD công, hàng rào, sân bê tông, nhà vệ sinh nhà văn hóa ấp Tà Thiết	ấp Tà Thiết		300	100	100	-	-	-	2017-2018	
6	<i>Xã Lộc Tấn (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Suối Thôn)</i>			300	100	100	-	-	-		
6.1	XD đường GTNT ấp Suối Thôn	ấp Suối Thôn	500m	300	100	100	-	-	-	2017-2018	
VI	Huyện Bù Đốp			1.900	1.000	200	-	800	-		
1	<i>Xã Thanh Hòa (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBK: ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 8)</i>			1.900	1.000	200	-	800	-		
1.1	XD đường GTNT ấp 4	ấp 4	1.600m	1.900	1.000	200	-	800	-	2017-2018	
VII	Huyện Hớn Quản			2.950	2.160	1.060	-	1.100	-		
1	<i>Xã Phước An (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBK: ấp Tổng Cui Nhỏ, ấp Tổng Cui Lớn)</i>			1.200	600	200	-	400	-		
1.1	XD đường điện THT và TBA ấp Tổng Cui Nhỏ và ấp Tổng Cui Lớn	Tổng Cui Nhỏ và Tổng Cui Lớn	2km	1.200	600	200	-	400	-	2017-2018	
2	<i>Xã An Khương (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: Ấp 2, ấp 3 và ấp 4)</i>			1.000	1.060	360	-	700	-		
2.1	Sửa chữa đường GTNT ấp 2,3,4	ấp 2, 3,4		1.000	1.060	360	-	700	-	2017-2018	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến mức vốn đầu tư năm 2017					Thời gian thực hiện (năm)	Ghi chú
					Tổng	Trong đó			Huy động (doanh nghiệp, nhân dân...)		
						NSTW 2017	NS tỉnh	NS huyện, thị xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Xã Thanh An (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp Xa Cò, ấp Bù Dinh; ấp Phùm Lu)			750	500	500	-	-	-		
3.1	XD đường điện nhánh rẽ ấp Xa Cò	ấp Xa Cò		250	200	200	-	-	-	2017-2018	
3.2	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa ấp Bù Dinh	ấp Bù Dinh		250	200	200	-	-	-	2017-2018	
3.3	Đường bê tông xi măng ấp Phùm Lu - Tư lý	Phùm Lu		250	100	100	-	-	-	2017-2018	
VIII	Huyện Chợ Thành			300	100	100	-	-	-		
1	Xã Quang Minh (xã Khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Bàu Teng)			300	100	100	-	-	-		
1.1	Sửa chữa đường GTNT ấp Bàu Teng	Bàu Teng	2,5km	300	100	100	-	-	-	2017	
IX	Thị xã Bình Long			200	200	200	-	-	-		
1	Xã Thanh Lương (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Càn Lê)			200	200	200	-	-	-		
1.1	XD sân hàng rào, công trình phụ nhà văn hóa ấp Càn Lê	Càn Lê		200	200	200	-	-	-	2017	
X	Thị xã Phước Long			200	200	200	-	-	-		
1	Xã Long Giang (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn 7)			200	200	200	-	-	-		
1.1	XD nhà vệ sinh, sửa chữa phòng học, đài nước giếng khoan điểm trường thôn 7	thôn 7		200	200	200	-	-	-	2017	